

TÁI CẤU TRÚC QUY PHẠM XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN SỐ TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Huỳnh Nữ Khuê Các^{1,2}, Lê Thị Toàn³

¹Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

²Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

³Khoa Luật, Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở 2)

cachnk@huflit.edu.vn, toanlt@ldxh.edu.vn

TÓM TẮT—Sự xuất hiện của tài sản số với đặc tính phi vật thể và phi lãnh thổ đã làm lung lay nền tảng của quy tắc “Lex rei sitae” trong tư pháp quốc tế. Bài viết phân tích giới hạn của quy tắc này và so sánh các mô hình pháp lý quốc tế nhằm xác định luật áp dụng cho quyền sở hữu tài sản số xuyên biên giới. Nghiên cứu dựa trên phương pháp phân tích, so sánh, tập trung vào ba hướng tiếp cận: mô hình của UNIDROIT, UCC Hoa Kỳ và Ủy ban Luật pháp Anh. Kết quả cho thấy cần thay thế yếu tố nơi có tài sản bằng yếu tố “kiểm soát” để phản ánh thực chất mối liên hệ giữa chủ thể và tài sản số. Từ đó, tác giả đề xuất lộ trình hai bước cho Việt Nam: sửa đổi Bộ luật Dân sự để công nhận tài sản số và ban hành quy phạm xung đột đặc thù theo mô hình UNIDROIT. Nghiên cứu khẳng định việc tái cấu trúc quy tắc xung đột là điều kiện cần thiết để Việt Nam hội nhập pháp lý trong kỷ nguyên kinh tế số.

Từ khóa—Tài sản số, xung đột pháp luật, tư pháp quốc tế, lex rei sitae, quyền sở hữu.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỷ nguyên số đã khai sinh ra một loại tài sản mới: tài sản số (digital assets), bao gồm nhưng không giới hạn tiền mã hóa (cryptocurrencies), token không thể thay thế (NFTs), và các loại chứng từ điện tử có thể chuyển giao, đang tái định hình nền kinh tế và thương mại quốc tế [1]. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của tư pháp quốc tế, cần thiết phải có sự phân định rõ ràng đối với các loại hình tài sản số, bởi bản chất kỹ thuật khác nhau sẽ dẫn đến các hệ quả pháp lý khác nhau về luật áp dụng. Về cơ bản, tài sản số có thể được chia thành hai nhóm chính:

(i) *Tài sản số đại diện (Tokenized Assets)*. Đây là các token đại diện cho quyền sở hữu đối với tài sản thực tế như bất động sản, vàng, chứng khoán hoặc hàng hóa (ví dụ: vận đơn điện tử). Đối với nhóm này, quy tắc xung đột pháp luật truyền thống lex rei sitae vẫn có khả năng áp dụng thông qua việc “neo” luật áp dụng vào nơi tọa lạc của tài sản gốc hoặc nơi đăng ký của tổ chức phát hành.

(ii) *Tài sản số thuần túy (Native Digital Assets)*. Đây là các tài sản được tạo ra và tồn tại duy nhất trên môi trường chuỗi khối, không đại diện cho bất kỳ tài sản vật lý nào và không chịu sự quản lý của cơ quan phát hành trung gian. Điển hình cho nhóm này là các loại tiền mã hóa như Bitcoin hay các NFT gắn liền với tác phẩm nghệ thuật kỹ thuật số thuần túy.

Phạm vi nghiên cứu của bài viết này sẽ tập trung chủ yếu vào nhóm thứ hai: tài sản số thuần túy. Lý do là bởi tính chất phi vật thể, phi tập trung và phi biên giới tuyệt đối của chúng đã hoàn toàn vô hiệu hóa khả năng xác định “nơi có tài sản” (situs) theo tư duy pháp lý truyền thống [2], từ đó đặt ra thách thức phải tái cấu trúc các quy phạm xung đột hiện hành.

Một trong những câu hỏi là trọng tâm của các cuộc tranh luận học thuật và hoạch định chính sách toàn cầu, đó là: Khi một tranh chấp xuyên biên giới về tài sản số xảy ra, luật của quốc gia nào sẽ được áp dụng để xác định quyền sở hữu đối với một tài sản tồn tại phi tập trung trên toàn cầu? Đây là bài toán kinh điển của tư pháp quốc tế (hay xung đột pháp luật), nhưng với một biến số hoàn toàn mới. Quy phạm truyền thống đã không còn phù hợp, buộc giới học thuật và các nhà lập pháp phải tư duy lại từ những nguyên tắc cơ bản nhất. Bài viết này sẽ tập trung phân tích vào cuộc khủng hoảng pháp lý này. Xuất phát từ việc quy phạm kinh điển lex rei sitae (luật của nơi có tài sản) không còn phù hợp khi áp dụng với tài sản số, bài viết sẽ phân tích các lý thuyết pháp lý nền tảng và các lý thuyết mới nổi để định hình một khuôn khổ tư duy cho vấn đề. Tiếp đó, bài viết sẽ phân tích so sánh ba trường phái lập pháp tiên phong đang được định hình trên thế giới: cách tiếp cận theo chuỗi quy tắc có hệ thống của UNIDROIT và Hoa Kỳ, cùng cách tiếp cận linh hoạt của Ủy ban Luật pháp Anh.

Trên cơ sở phân tích so sánh đó, bài viết sẽ đối chiếu với thực trạng pháp luật Việt Nam, nhận diện khoảng trống trong lĩnh vực tư pháp quốc tế về tài sản số. Từ đó đưa ra đề phù hợp nhằm giúp Việt Nam xây dựng một khung pháp lý hiện đại, có khả năng dự đoán và tương thích với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thương mại số toàn cầu

II. THÁCH THỨC ĐỐI VỚI QUY TẮC “LEX REI SITAE” VÀ TÍNH PHI LÃNH THỔ CỦA TÀI SẢN SỐ

Trong nhiều thế kỷ, hệ thống tư pháp quốc tế đã dựa vào một quy phạm xung đột (conflict of laws rule) nền tảng để giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu, đó là nguyên tắc “Lex rei sitae” (hay còn gọi là lex situs) (tạm dịch: Luật nơi có tài sản). Đây là nguyên tắc cơ bản quy định rằng pháp luật của quốc gia nơi tài sản tọa lạc (situs) sẽ được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ pháp lý liên quan đến tài sản đó [3]. Nguyên tắc này có nguồn gốc lịch sử từ thời La Mã cổ đại và đóng vai trò quan trọng trong suốt thời kỳ Trung Cổ như một công cụ pháp lý cốt lõi để xác định quyền sở hữu đất đai. Sự thống trị của quy tắc này được xây dựng trên hai trụ cột lý luận không thể tách rời:

Thứ nhất, tính chủ quyền và hiệu lực. Lý do này xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia. Tòa án và pháp luật của nơi tài sản tọa lạc được xem là “nơi có thẩm quyền thích hợp nhất để giải quyết các vấn đề”. Việc áp dụng lex rei sitae đảm bảo sự tôn trọng đối với các quy tắc và bối cảnh văn hóa, lịch sử bản địa, và là một biểu hiện của chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ [4].

Thứ hai, tính chắc chắn và minh bạch. Đây là lý do mang tính thương mại. Nguyên tắc lex rei sitae cung cấp một “nền tảng pháp lý vững chắc”, mang lại “sự rõ ràng và chắc chắn” cho các giao dịch xuyên biên giới. Chúng giúp loại bỏ các xung đột và sự không chắc chắn phát sinh từ các hệ thống pháp luật khác nhau, tạo ra một môi trường “minh bạch, có thể dự đoán được” để bảo vệ các bên (như người mua, người bán, và các bên thứ ba).

Tuy nhiên, trong bối cảnh tài sản số phi tập trung nổi lên như một hiện tượng pháp lý mới, nền tảng vật lý - yếu tố cốt lõi làm cơ sở cho lex rei sitae - đã không còn tồn tại. Các tài sản được mã hóa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain), chẳng hạn như đơn vị UTXO [5] của Bitcoin tồn tại đồng thời trên hàng ngàn nút (nodes) ở hàng trăm quốc gia, hoặc có thể lập luận rằng chúng không thực sự tồn tại ở bất kỳ đâu. Chính bản chất phi lãnh thổ, phi tập trung và tự trị của blockchain một hệ thống được thiết kế để “không liên kết mạnh mẽ nào với bất kỳ quốc gia cụ thể nào” [6] khiến cho việc xác định “situs” (nơi tọa lạc) trở thành bất khả thi. Do đó, nhu cầu đánh giá lại tính phù hợp và khả năng áp dụng của nguyên tắc lex rei sitae đối với tài sản số là hết sức cấp thiết.

Sự bất cập của quy tắc truyền thống đã tạo ra khoảng trống pháp lý đối với việc xác lập quyền sở hữu và các quyền khác với tài sản số. Nếu không có situs, tòa án sẽ dựa vào đâu để xác định luật áp dụng? Trong nỗ lực “vá” lỗ hổng này, một số tòa án thuộc hệ thống Thông luật (Common Law), đặc biệt là ở Anh, đã phải đưa ra các giải pháp tình thế. Trước sự gia tăng của các vụ lừa đảo tài sản mã hóa, tòa án cần tìm ra một cơ sở thẩm quyền để thụ lý và ban hành các lệnh phong tỏa tài sản tạm thời. Trong các vụ như “AA v Persons Unknown” hay là vụ “Ion Science Ltd v Persons Unknown” (2020), tòa án Anh, để thực hiện lệnh phong tỏa đã đưa ra một giải pháp tạm thời là xem situs của tiền mã hóa chính là nơi cư trú của chủ sở hữu [7].

Sự bất cập này cho thấy yêu cầu cấp thiết về một giải pháp lập pháp mang tính hệ thống. Việc dựa vào các biện pháp giải thích tư pháp đơn lẻ không thể duy trì lâu dài, bởi chúng chỉ vá vúi một lỗ hổng cấu trúc trong toàn bộ hệ thống quy phạm xung đột pháp luật. Khi quy tắc lex rei sitae không còn khả năng vận hành, điều cần thiết không chỉ là sửa đổi kỹ thuật, mà là tái thiết lại nền tảng lý luận về “yếu tố kết nối” trong tư pháp quốc tế.

Thay vì tìm kiếm một situs vật lý vốn không tồn tại, khoa học pháp lý cần chuyển hướng sang các yếu tố phi lãnh thổ và chức năng - những dấu hiệu có thể phản ánh mối quan hệ thực tế giữa chủ thể và tài sản trong không gian số. Chính từ yêu cầu này, nhiều học giả và tổ chức quốc tế đã đề xuất các khung lý thuyết mới để định hình lại tư duy về quyền sở hữu tài sản số, đặt nền tảng cho việc hình thành các quy tắc xung đột hiện đại hơn.

III. CƠ SỞ LÝ THUYẾT HÌNH THÀNH QUY PHẠM XUNG ĐỘT MỚI VỀ TÀI SẢN SỐ

Việc tìm kiếm một quy tắc thay thế cho lex rei sitae đòi hỏi quay trở lại các nền tảng lý luận về quyền sở hữu và mối quan hệ giữa con người với tài sản trong không gian số. Phần này trình bày các lý thuyết chủ đạo đang định hình cách tiếp cận mới của tư pháp quốc tế đối với tài sản số, qua đó xác định những yếu tố kết nối phi vật thể có thể thay thế “nơi có tài sản” truyền thống.

A. LÝ THUYẾT “BÓ QUYỀN” (BUNDLE OF RIGHTS)

Lý thuyết này được Wesley Newcomb Hohfeld đề xuất lần đầu vào năm 1913 trong công trình “Some Fundamental Legal Conceptions as Applied in Judicial Reasoning” [8] (tạm dịch: Một số quan niệm pháp lý cơ bản được áp dụng trong lý luận tư pháp) đã tạo nền tảng cho tư duy pháp lý hiện đại về bản chất của quyền sở hữu. Theo Hohfeld, quyền sở hữu không phải là một khái niệm đơn nhất và toàn khối, mà là một tập hợp gồm nhiều mối quan hệ pháp lý độc lập nhưng tương tác lẫn nhau, thường được ví như các “thanh quyền” (sticks) trong một “bó quyền”. Các quyền này có thể bao gồm quyền sử dụng, quyền loại trừ, quyền chuyển nhượng, cùng các quyền năng khác gắn liền với chủ thể và đối tượng của quyền.

Từ góc độ lý luận, lý thuyết này cung cấp một khung phân tích hữu hiệu để “giải cấu trúc” khái niệm quyền sở hữu, đặc biệt trong bối cảnh tài sản số. Việc vận dụng lý thuyết “Bó quyền” cho phép phân biệt rõ ràng giữa các loại

quyền khác nhau trong cùng một cấu trúc tài sản, chẳng hạn như giữa quyền sở hữu token (một giao dịch on-chain) và quyền sở hữu tài sản trí tuệ mà token đó đại diện (một vấn đề off-chain).

Trong thực tiễn, cách tiếp cận này có ý nghĩa đặc biệt đối với việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến token không thể thay thế (NFTs). Việc một cá nhân nắm giữ NFT - tức là kiểm soát bản ghi token trên blockchain - không đồng nghĩa với việc họ sở hữu tài sản cơ sở mà token đại diện, chẳng hạn như quyền tác giả đối với tệp nghệ thuật kỹ thuật số [9].

Vụ kiện “Hermès International v. Rothschild” (2023) tại Hoa Kỳ là minh chứng điển hình cho sự phân tách này [10]. Cốt lõi của vụ kiện là cuộc đối đầu giữa quyền sở hữu trí tuệ và quyền tự do biểu đạt nghệ thuật, khi tòa án phải phân định liệu các NFT “MetaBirkins” của bị đơn Mason Rothschild là một tác phẩm nghệ thuật được Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ bảo vệ, hay là một sản phẩm thương mại gây nhầm lẫn và vi phạm nhãn hiệu túi xách Birkin nổi tiếng của Hermès [11]. Phán quyết của bồi thẩm đoàn nghiêng về phía Hermès, cho rằng các NFT này không phải là phát biểu được bảo vệ và đã vi phạm quyền nhãn hiệu.

Lý thuyết “Bó quyền” giúp xác định chính xác loại quyền đang tranh chấp - điều kiện tiên quyết để xác định quy phạm xung đột phù hợp. Tranh chấp về chuyển giao token cần được tách biệt khỏi tranh chấp về quyền tác giả hoặc quyền khai thác hình ảnh. Việc xác định “thanh quyền” (stick) cụ thể đang bị xâm phạm sẽ quyết định trực tiếp luật điều chỉnh và thẩm quyền tài phán trong các vụ việc xuyên biên giới.

B. LÝ THUYẾT “KIỂM SOÁT” (CONTROL THEORY)

Lý thuyết này được khởi xướng về mặt học thuật bởi các giáo sư Juliet M. Moringiello và Christopher K. Odinet trong công trình nghiên cứu “Toward Decentralized Commercial Law For Digital Assets” (tạm dịch: Hướng tới luật thương mại phi tập trung cho tài sản số) công bố năm 2022 [12]. Trên phương diện lập pháp, lý thuyết được cụ thể hóa bởi Hiệp hội Luật thống nhất Hoa Kỳ trong Bộ luật Thương mại Thống nhất (UCC) Điều 12 sửa đổi năm 2022 và Ủy ban Luật pháp Anh (UK Law Commission) trong Báo cáo “Digital Assets: Final Report” (Tài sản số: Báo cáo cuối cùng) năm 2023.

Nội dung cốt lõi của lý thuyết xuất phát từ nhận định rằng khái niệm “chiếm hữu” (possession) trong luật tài sản truyền thống vốn gắn chặt với đặc tính vật lý và sự kiểm soát hữu hình, do đó trở nên bất lực khi áp dụng cho các tài sản vô hình trên blockchain. Để khắc phục, các tác giả đề xuất khái niệm “kiểm soát” (control) như một phương thức pháp lý mới để xác định quyền năng đối với tài sản số. Theo Điều 12 UCC và Báo cáo của Anh, một chủ thể được coi là có quyền kiểm soát nếu họ có: (i) quyền năng hưởng thụ lợi ích từ tài sản; (ii) quyền năng ngăn chặn người khác tiếp cận tài sản; và (iii) quyền năng chuyển giao quyền kiểm soát đó cho người khác [13].

Dưới góc độ phân tích tư pháp quốc tế, lý thuyết này cần được tiếp cận theo hướng chuyển hóa từ “hành vi” sang “quyền chọn luật”, vì: (i) xét về luật nội dung “kiểm soát” đóng vai trò là “vật quyền ảo”. Nó giải quyết câu hỏi “Ai là chủ sở hữu?” bằng cách xác định người nắm giữ khóa riêng (private key) là người có quyền chi phối tuyệt đối đối với tài sản, thay thế cho việc tìm kiếm sự chiếm hữu vật lý không tồn tại; (ii) xét về quy phạm xung đột “kiểm soát” không nên được hiểu là tìm kiếm một địa điểm vật lý nơi hành vi kiểm soát diễn ra (vì người dùng thường ẩn danh và phân tán). Thay vào đó, kiểm soát là cơ sở để thiết lập Quyền tự quyết định luật áp dụng. Người nắm quyền kiểm soát kỹ thuật có quyền năng lựa chọn luật áp dụng cho tài sản thông qua các giao thức hoặc mã lệnh. Tư duy này đã được Ủy ban Luật pháp Anh phát triển thêm trong Tài liệu tham vấn về Tư pháp quốc tế năm 2025 [14], theo đó đề xuất thay thế yếu tố kết nối lex rei sitae (nơi có tài sản) bằng yếu tố kết nối dựa trên sự lựa chọn của bên kiểm soát hoặc quy tắc của hệ thống [15].

C. LÝ THUYẾT LEX INFORMATICA (LUẬT CỦA THÔNG TIN) VÀ “CODE IS LAW” (MÃ LỆNH LÀ LUẬT)

Hai lý thuyết này được phát triển bởi Joel R. Reidenberg trong “Lex Informatica: The Formulation of Information Policy Rules through Technology” [16] (tạm dịch: Luật thông tin: Việc hình thành các quy tắc chính sách thông tin thông qua công nghệ) năm 1998 và Lawrence Lessig trong “Code and Other Laws of Cyberspace” (tạm dịch: Mã lệnh và những luật lệ khác của không gian mạng) xuất bản năm 1999 [17]. Cả hai đều xuất phát từ nhận định rằng trong không gian mạng “luật” không chỉ do các quốc gia ban hành mà còn được thể hiện thông qua chính kiến trúc công nghệ hay “mã lệnh” (code) của hệ thống.

Theo Reidenberg, Lex Informatica là “luật của thông tin”, được hình thành thông qua các thiết kế kỹ thuật định hướng hành vi của người dùng. Còn Lessig lại khẳng định “Code is Law”, nghĩa là trong thế giới số, mã lệnh có chức năng tương đương với pháp luật, vì chúng có thể trực tiếp quy định quyền truy cập, kiểm soát hành vi và áp đặt giới hạn. Trong bối cảnh blockchain, lý thuyết này thể hiện rõ nhất qua các giao thức đồng thuận và hợp đồng thông minh, nơi quy tắc “luật” được viết sẵn trong mã máy, tự động vận hành và gần như không thể bị can thiệp sau khi triển khai.

Tuy nhiên, việc trao quyền lập quy cho mã lệnh cũng dẫn đến nhiều hệ lụy pháp lý nghiêm trọng. Các sự kiện như vụ “The DAO Hack” [18] (2016) cho thấy khi mã lệnh có lỗi, các hành vi chiếm đoạt tài sản vẫn có thể hợp lệ theo

code nhưng lại vi phạm theo law. Trong trường hợp đó, code và law xung đột trực tiếp - đặt ra câu hỏi về chủ quyền của mã lệnh: liệu hệ thống kỹ thuật có thể vận hành như một “trật tự pháp lý tự trị”, vượt ra ngoài kiểm soát của quốc gia pháp quyền?

Từ góc độ tư pháp quốc tế, Lex Informatica và Code is Law mở ra một hướng tiếp cận mới: yếu tố kết nối pháp lý không nhất thiết phải là một địa điểm vật lý (situs), mà có thể chính là hệ thống kỹ thuật điều hành tài sản số. Tuy nhiên, việc thừa nhận chủ quyền của mã lệnh cũng đồng nghĩa với việc trao quyền điều tiết cho những chủ thể phi nhà nước - nhà phát triển, nền tảng hoặc cộng đồng mã nguồn mở - làm xói mòn vai trò của pháp luật quốc gia trong việc bảo vệ trật tự công và quyền lợi của người dùng.

Các lý thuyết này gợi mở khả năng tái định nghĩa yếu tố kết nối phi lãnh thổ trong xung đột pháp luật, nhưng đồng thời cảnh báo về nguy cơ “tư nhân hóa” luật pháp trong không gian mạng. Đối với các nhà lập pháp, thách thức không phải là phủ nhận vai trò của “luật của mã lệnh”, mà là thiết lập khuôn khổ giám sát và tương thích giữa pháp luật quốc gia và quy tắc kỹ thuật, nhằm bảo đảm rằng “code” vận hành trong giới hạn của “law”, chứ không thay thế chúng.

D. LÝ THUYẾT LEX LOCI INTERMEDII (LUẬT CỦA NƠI CÓ TRUNG GIAN)

Được phát triển từ Công ước Hague 2006 về Luật áp dụng cho một số Quyền đối với Chứng khoán được nắm giữ thông qua Trung gian [19]. Lý thuyết này cho rằng đối với các tài sản được nắm giữ thông qua trung gian (sàn giao dịch, ngân hàng, tổ chức lưu ký), luật áp dụng nên gắn với nơi đặt trụ sở hoặc nơi duy trì tài khoản của trung gian đó.

Cách tiếp cận này được UK Law Commission (Ủy ban Luật pháp Anh) xem xét trong Tài liệu “Digital assets and (electronic) trade documents in private international law” (Consultation Paper 273) [20] (tạm dịch: Tài sản số và chứng từ thương mại (điện tử) trong tư pháp quốc tế, tài liệu tham vấn 273), và được xem là một giải pháp thực dụng cho tài sản số. Nội dung cốt lõi của lý thuyết này xuất phát từ quan sát thực tế rằng, phần lớn tài sản (dù là chứng khoán hay tài sản số) không được chủ sở hữu nắm giữ trực tiếp mà được lưu ký thông qua các bên trung gian như sàn giao dịch, ngân hàng hoặc tổ chức lưu ký. Do đó, thay vì cố gắng tìm situs của tài sản phi vật thể, quy tắc này neo luật áp dụng vào một địa điểm hữu hình: nơi đặt trụ sở hoặc nơi tài khoản được duy trì bởi bên trung gian [21]. Dù vậy, lý thuyết này cũng bị phê phán là “tái tập trung hóa” một hệ thống vốn được thiết kế để phi tập trung, và có thể khiến các trung gian nắm quyền chi phối lựa chọn luật áp dụng.

Lý thuyết “Luật của nơi có trung gian” mang lại tính dự đoán và khả năng áp dụng thực tiễn cao, nhất là đối với các tài sản số lưu ký hoặc giao dịch qua sàn. Tuy nhiên, để tránh lạm quyền của các trung gian, pháp luật cần quy định rõ nguyên tắc giới hạn tự do lựa chọn luật và bảo vệ lợi ích của bên yếu thế trong quan hệ giao dịch số.

Qua phân tích trên cho thấy, các lý thuyết này tạo thành nền tảng lý luận đa chiều cho việc thiết kế quy phạm xung đột pháp luật mới về tài sản số. Từ “Bỏ quyền” và “Kiểm soát” giúp tái định nghĩa nội dung quyền sở hữu, đến “Lex Informatica” gợi mở yếu tố kết nối phi vật thể, còn “Lex Loci Intermedii” đề xuất mốc neo thực dụng cho tài sản có trung gian. Trên cơ sở đó, các mô hình lập pháp quốc tế, đặc biệt là mô hình chuỗi quy tắc của UNIDROIT đang vận dụng kết hợp những lý thuyết này để hình thành một hệ thống quy phạm thống nhất, vừa có tính pháp lý, vừa tương thích với công nghệ.

IV. CÁC MÔ HÌNH LẬP PHÁP QUỐC TẾ VỀ QUY PHẠM XUNG ĐỘT ĐỐI VỚI TÀI SẢN SỐ

Đối mặt với sự không tương thích của quy tắc “lex rei sitae” đối với tài sản số, các nhà nghiên cứu và lập pháp quốc tế đang hình thành ba trường phái chính đại diện bởi UNIDROIT, Anh, và Hoa Kỳ cùng một giải pháp thực tiễn là trọng tài, nhằm thiết lập các quy tắc mới cho tài sản số.

A. UNIDROIT

Viện Quốc tế về Nhất thể hóa Luật tư (UNIDROIT) trong “Bộ Nguyên tắc về tài sản số và Luật tư” năm 2023 [22] đã đề xuất một giải pháp mang tính hệ thống và có cấu trúc rõ ràng. Thay vì cố gắng ấn định một “situs” vật lý, UNIDROIT đưa ra một bộ “chuỗi quy tắc” gồm các điểm kết nối phi vật lý mới, ưu tiên sự tự do ý chí của các bên và tính có thể dự đoán của pháp luật. Theo Nguyên tắc 5 của Bộ Nguyên tắc, luật điều chỉnh quyền sở hữu và các vấn đề phát sinh từ tài sản số được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

(i) *Pháp luật được các bên lựa chọn*: Luật áp dụng là pháp luật được các bên lựa chọn, với điều kiện sự lựa chọn đó phải được thể hiện một cách minh bạch và có thể xác định được trong hệ thống hoặc siêu dữ liệu (metadata) của tài sản số. Cách tiếp cận này đồng thời bảo đảm quyền lợi của bên thứ ba, vì mọi chủ thể có thể kiểm chứng trực tiếp “trên chuỗi” (on-chain) để xác định luật đang điều chỉnh.

(ii) *Luật của bên trung gian*: Trường hợp không có thỏa thuận lựa chọn luật và tài sản được nắm giữ hoặc quản lý thông qua một bên trung gian (sàn giao dịch, bên lưu ký), luật điều chỉnh các vấn đề về quyền sở hữu sẽ là luật

điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa người sử dụng và bên trung gian đó. Đây là tình huống phổ biến trong thực tiễn giao dịch tài sản số.

(iii) *Luật của bên phát hành*: Nếu không thuộc hai trường hợp trên, nhưng có thể xác định được một chủ thể phát hành (chẳng hạn như công ty phát hành stablecoin), luật áp dụng là luật của quốc gia nơi đặt trụ sở chính của chủ thể phát hành.

(iv) *Quy tắc mặc định (Default Rule)*: Trong trường hợp tất cả các quy tắc trên đều không thể áp dụng (chẳng hạn như đối với các tài sản phi tập trung hoàn toàn như Bitcoin, không có trung gian hay chủ thể phát hành) luật áp dụng sẽ là luật của quốc gia có “mối liên hệ chặt chẽ nhất” (most closely connected) với giao dịch hoặc tài sản.

Cấu trúc thang bậc nêu trên của UNIDROIT không chỉ mang tính logic về mặt hình thức mà còn giải quyết triệt để thách thức về tính ẩn danh - vấn đề cốt lõi khiến các quy tắc xung đột truyền thống thất bại. Một câu hỏi thường được đặt ra là: Tại sao không xác định luật áp dụng dựa trên “nơi cư trú của chủ sở hữu” thay vì luật do các bên lựa chọn? Câu trả lời nằm ở đặc tính kỹ thuật của tài sản số thuần túy (native digital assets). Trong nhiều trường hợp, người nắm giữ khóa riêng hoàn toàn ẩn danh hoặc chỉ được định danh qua địa chỉ ví điện tử (public key address), khiến việc xác định nơi cư trú thực tế của họ là bất khả thi đối với tòa án. Nếu quy phạm xung đột neo vào yếu tố con người (người kiểm soát), hệ thống sẽ lâm vào bế tắc khi không thể định danh chủ thể [23].

Chính vì vậy, mô hình UNIDROIT đã khéo léo chuyển hướng trọng tâm từ “con người” sang “tài sản” và “hệ thống”. Bằng cách ưu tiên (i) Luật được lựa chọn trong mã nguồn/metadata và (ii) Luật của bên trung gian, các quy tắc này đảm bảo rằng luật áp dụng luôn có thể được xác định ngay cả khi chủ sở hữu ẩn danh. Đây là sự chuyển dịch tư duy pháp lý quan trọng: công nhận quyền năng của kiểm soát không phải để tìm ra người kiểm soát đang ở đâu, mà để trao quyền cho họ thiết lập một cơ chế chọn luật minh bạch, gắn liền vĩnh viễn với tài sản số, tạo ra sự ổn định pháp lý cho các giao dịch xuyên biên giới” [24]. Cách tiếp cận này của UNIDROIT thể hiện nỗ lực duy trì tính thống nhất, hợp lý và dự đoán được của tư pháp quốc tế trong bối cảnh số hóa, thông qua việc kiến tạo các quy tắc phù hợp với đặc trưng phi vật thể của tài sản số và thực tiễn vận hành của thị trường tài sản số toàn cầu.

B. UK LAW COMMISSION

Ủy ban Luật pháp Anh và xứ Wales (UK Law Commission), trong một dự án tham vấn chuyên biệt về tư pháp quốc tế và tài sản số [25] năm 2025, đã đưa ra quan điểm rằng đối với các loại tài sản có tính phi tập trung hoàn toàn, việc cố gắng xác định một điểm kết nối duy nhất và cố định - như cách tiếp cận được UNIDROIT đề xuất - tiềm ẩn nguy cơ không khả thi về mặt kỹ thuật và có thể dẫn đến những hệ quả thiếu công bằng trong áp dụng pháp luật.

Trên cơ sở đó, Ủy ban đề xuất một định hướng cải cách có tính đột phá, theo đó từ bỏ yêu cầu mang tính cứng nhắc buộc tòa án phải xác định một luật áp dụng duy nhất theo các quy tắc xung đột truyền thống. Thay vào đó, Ủy ban khuyến nghị trao cho tòa án quyền linh hoạt cao hơn trong việc lựa chọn và áp dụng pháp luật, nhằm hướng tới một kết quả công bằng và hợp lý trong từng trường hợp cụ thể [26].

Theo đề xuất này, tòa án có thể xem xét tổng thể nhiều yếu tố thực tiễn và pháp lý, bao gồm: kỳ vọng hợp lý của các bên, pháp luật của nơi diễn ra hoặc liên quan mật thiết đến giao dịch, nơi cư trú hoặc trụ sở của các bên, bất kỳ sự lựa chọn luật nào của các bên (dù không được công khai), cũng như các quy tắc nội tại của giao thức kỹ thuật mà các bên đã mặc nhiên chấp thuận.

Cách tiếp cận này mang đậm bản sắc của hệ thống Thông luật (Common Law), nơi thẩm phán có vai trò kiến tạo pháp luật qua án lệ. Tuy nhiên, điều này tiềm ẩn rủi ro lớn nếu áp dụng tại Việt Nam - một quốc gia theo truyền thống Dân luật (Civil Law). Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, thẩm phán xét xử thường dựa trên văn bản quy phạm pháp luật (luật thành văn) và tuân thủ chặt chẽ quy trình tố tụng, không có truyền thống “sáng tạo pháp luật” mạnh mẽ như Anh. Việc thiếu các quy tắc chọn luật cứng và trao quá nhiều quyền tùy nghi cho thẩm phán cũng có thể dẫn đến sự tùy tiện, thiếu thống nhất trong xét xử và làm giảm khả năng dự đoán của pháp luật - yếu tố tối quan trọng đối với các nhà đầu tư tài sản số.

C. UCC CỦA HOA KỲ

Hoa Kỳ đã giới thiệu một trường phái thứ ba, tập trung vào tính thực tiễn thương mại thông qua sửa đổi Bộ luật Thương mại Thống nhất (Uniform Commercial Code -UCC) năm 2022, đặc biệt là bổ sung Điều 12 mới. Cơ chế này được xây dựng xoay quanh khái niệm “Bản ghi điện tử có thể kiểm soát” (Controllable Electronic Record - CER), một định nghĩa mang tính chức năng dựa trên khả năng “kiểm soát”, vốn được xem là tương đương về mặt chức năng với “chiếm hữu” [27]. Một chủ thể được coi là “kiểm soát” một CER nếu họ có: (i) Quyền năng hưởng thụ về cơ bản tất cả lợi ích từ CER; (ii) Quyền năng độc quyền ngăn cản chủ thể khác hưởng lợi từ CER; (iii) Quyền năng độc quyền chuyển giao quyền kiểm soát cho chủ thể khác.

Đối với vấn đề xung đột pháp luật, Mục 107 Điều 12 của UCC đưa ra một quy tắc tương tự như UNIDROIT. Theo đó, luật áp dụng được ưu tiên xác định dựa trên sự lựa chọn của các bên, với điều kiện sự lựa chọn này phải được ghi nhận rõ ràng trong chính CER hoặc trong hệ thống kỹ thuật nơi CER được lưu giữ.

Tuy nhiên, điểm đặc biệt mang tính chiến lược của cải cách này nằm ở quy tắc mặc định (default rule) tại điểm c khoản 5 Mục 107 Điều 12: “*Nếu không có sự lựa chọn nào khác được áp dụng, luật áp dụng sẽ là luật của Đặc khu Columbia*” (District of Columbia - D.C.) [28]. Dưới góc độ chính sách công, quy định này thể hiện rõ “chủ nghĩa vị kỷ pháp lý” hay chiến lược thu hút tài phán của Hoa Kỳ. Bằng cách biến D.C. thành điểm “neo” pháp lý mặc định, Hoa Kỳ tham vọng thiết lập một “cảng an toàn” để thu hút các giao dịch tài sản số toàn cầu về hệ thống của mình. Tuy nhiên, Việt Nam không thể sao chép cách tiếp cận này. Với quy mô thị trường và uy tín pháp lý quốc tế hiện tại, việc Việt Nam đơn phương quy định “nếu không chọn luật thì áp dụng luật Việt Nam” sẽ không được các nhà đầu tư quốc tế chấp nhận và thiếu tính khả thi trong thi hành.

D. ÁP DỤNG CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Trong bối cảnh các nhà lập pháp vẫn đang tiếp tục thảo luận và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh tài sản số, trọng tài thương mại quốc tế đã được cộng đồng kinh doanh quốc tế nhìn nhận như một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, linh hoạt và có tính thích ứng cao đối với đặc thù của tài sản số. Trọng tài được xem là một phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều ưu điểm nổi trội [29] trong lĩnh vực này vì các lý do sau:

Thứ nhất, về khả năng thi hành phán quyết trên phạm vi toàn cầu. Nhờ Công ước New York 1958 (còn gọi là Công ước về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài), một phán quyết trọng tài có thể được công nhận và thi hành tại hơn 170 quốc gia thành viên [30]. Cơ chế này cho phép bên thắng kiện có thể yêu cầu thi hành phán quyết tại bất kỳ quốc gia nơi tài sản của bên thua kiện được định vị, qua đó khắc phục hạn chế cố hữu của tòa án quốc gia trong việc xác định thẩm quyền tài phán và luật nơi có tài sản (lex rei sitae) đối với các tài sản kỹ thuật số phi tập trung.

Thứ hai, về năng lực chuyên môn của trọng tài viên. Cơ chế trọng tài cho phép các bên tự do lựa chọn trọng tài viên là những chuyên gia có hiểu biết sâu sắc không chỉ trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế mà còn trong công nghệ blockchain và cơ chế vận hành của tài sản số. Điều này bảo đảm hội đồng trọng tài có khả năng tiếp cận, phân tích và đánh giá chính xác bản chất kỹ thuật cũng như các vấn đề pháp lý phát sinh trong tranh chấp.

Thứ ba, về sự tôn trọng ý chí của các bên và bảo mật thông tin. Trọng tài tôn trọng tối đa nguyên tắc tự do thỏa thuận của các bên trong việc lựa chọn luật áp dụng (bao gồm cả luật nội dung và luật tố tụng) [31] và đồng thời bảo đảm tính bảo mật của quy trình giải quyết tranh chấp, một yếu tố đặc biệt quan trọng trong các giao dịch tài sản số có liên quan đến bí mật kinh doanh và công nghệ.

Nhằm đáp ứng các nhu cầu đặc thù này, nhiều cơ chế trọng tài chuyên biệt đã được phát triển, tiêu biểu là “Quy tắc Giải quyết tranh chấp kỹ thuật số” (Digital Dispute Resolution Rules – DDDR [32]). Bộ Quy tắc này thể hiện bước tiến đáng kể khi trao cho trọng tài viên “quyền năng can thiệp kỹ thuật”, cho phép họ thực thi phán quyết trực tiếp “trên chuỗi” (on-chain). Theo Quy tắc 11, trọng tài viên có thể “*vận hành, sửa đổi, ký hoặc hủy bỏ bất kỳ tài sản số nào liên quan đến tranh chấp*” bằng cách sử dụng các cơ chế kiểm soát kỹ thuật số sẵn có [33]. Về bản chất, sự phát triển của trọng tài trong lĩnh vực tài sản số cho thấy xu hướng hình thành một diễn đàn luật tư nơi các bên chủ động thiết lập một cơ chế pháp lý linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với đặc trưng công nghệ của tài sản số, trong khi các hệ thống luật công quốc gia vẫn đang trong quá trình thích ứng và hoàn thiện.

V. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN SỐ

Pháp luật Việt Nam hiện hiện đang trong quá trình hoàn thiện nhằm tiệm cận với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong bối cảnh phát triển của nền kinh tế số. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một khoảng trống pháp lý đáng kể trong cả luật nội dung và các quy tắc xung đột, đặc biệt liên quan đến việc xác định địa vị pháp lý và luật áp dụng đối với tài sản số.

Thứ nhất, vấn đề cốt lõi nằm ở việc thiếu vắng một định nghĩa pháp lý rõ ràng đối với “tài sản số” trong các văn bản pháp luật nền tảng. Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 (có hiệu lực ngày 01/01/2026) đưa ra định nghĩa cho tài sản số là “*tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử*”. Tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015, định nghĩa tài sản bao gồm “*vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản*” trong đó chưa có quy định công nhận tài sản số. Đáng chú ý, sự thiếu đồng bộ giữa hai định nghĩa nêu trên đã dẫn đến một hiện tượng mà logic học gọi là “định nghĩa vòng quanh” làm suy giảm giá trị pháp lý của khái niệm “tài sản số”. Cụ thể, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 yêu cầu tài sản số phải thỏa mãn điều kiện là “tài sản theo Bộ luật Dân sự năm 2015” trong khi Bộ luật Dân sự lại chưa có quy định rõ ràng công nhận loại tài sản này. Hệ quả là định nghĩa tại Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 tham chiếu đến một điều kiện pháp lý chưa được ghi nhận một cách rõ ràng, chính xác, khiến việc áp dụng trên thực tế gặp nhiều hạn chế. Nếu luật nội dung chưa xác lập được địa vị pháp lý rõ ràng của tài sản số, thì quy phạm xung đột cũng không thể vận hành để xác định luật áp dụng đối với đối tượng này. Để giải quyết bế tắc này, một số quan điểm học thuật có xu hướng xếp tài sản số vào nhóm “Quyền tài sản” (Điều 115 Bộ luật Dân sự) để tận dụng khung pháp lý sẵn có. Dưới góc độ học thuật, có thể

nhận thấy rằng tài sản số không phù hợp với bất kỳ nhóm tài sản nào trong định nghĩa hiện hành, vì các lý do sau đây:

Về bản chất pháp lý của quyền. Khái niệm “quyền tài sản” theo truyền thống pháp lý Việt Nam và thông lệ Civil Law thường được hiểu là “quyền đối nhân” bao gồm quyền sở hữu trí tuệ và quyền yêu cầu (ví dụ như quyền đòi nợ, quyền nhận số tiền bảo hiểm, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng...). Trong khi đó, tài sản số (như Bitcoin hoặc các native token) không phải là một “quyền yêu cầu” vì không có một chủ thể đối ứng nào có nghĩa vụ phải thanh toán hay thực hiện hành vi cho người nắm giữ. Người nắm giữ khóa riêng thực hiện quyền chi phối trực tiếp và tuyệt đối lên tài sản mà không cần sự can thiệp hay hành vi của bên thứ ba. Đặc tính “chi phối trực tiếp” này mang bản chất của “quyền đối vật” - tương tự như quyền sở hữu một vật hữu hình - hơn là một quyền tài sản phát sinh hay quyền đòi nợ. Do đó, ép tài sản số vào khuôn khổ “Quyền tài sản” có thể sẽ làm méo mó bản chất vật quyền của loại tài sản này.

Về cơ chế chuyển giao và kiểm soát. Việc xếp tài sản số vào quyền tài sản sẽ dẫn đến những bế tắc trong cơ chế xác lập và chuyển giao quyền sở hữu. Nếu là “quyền tài sản” (như quyền đòi nợ), việc chuyển giao đòi hỏi các thủ tục thông báo cho con nợ hoặc đăng ký để có hiệu lực đối kháng với người thứ ba. Ngược lại, tài sản số được chuyển giao thông qua cơ chế kỹ thuật “Kiểm soát” - tức việc chuyển giao quyền năng thực tế đối với khóa riêng, hoạt động độc lập với các quy tắc thông báo truyền thống. Việc coi chúng là quyền tài sản sẽ tước đi cơ hội để pháp luật công nhận “Kiểm soát” như một phương thức chiếm hữu pháp lý mới, vốn là nền tảng của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Sự xung đột với các chế định về biện pháp bảo đảm. Nếu coi tài sản số là “quyền tài sản”, các giao dịch bảo đảm (như thế chấp, cầm cố) đối với tài sản số sẽ phải tuân theo quy tắc đối với quyền tài sản (thường yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm). Điều này không tương thích với tính ẩn danh, phi tập trung và tốc độ thanh khoản tức thời của tài sản số. Việc thiếu một định danh độc lập sẽ khiến các quy tắc về thứ tự ưu tiên thanh toán và xử lý tài sản bảo đảm trở nên vô hiệu trong thực tế.

Vì vậy, thay vì cố gắng “gọt chân cho vừa giày” vào khái niệm quyền tài sản, pháp luật Việt Nam cần mạnh dạn công nhận tài sản số là loại tài sản thứ năm, được đặc định hóa bởi yếu tố “dữ liệu số” và cơ chế “kiểm soát”, tách biệt hoàn toàn với “Vật” (hữu hình) và “Quyền tài sản” (vô hình nhưng mang tính đối nhân hoặc trí tuệ).

Thứ hai, trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, khuôn khổ pháp lý hiện hành của Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài liên quan đến tài sản số. Cụ thể theo Khoản 1 Điều 678 Bộ luật Dân sự năm 2015 về “Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản” quy định: “*Việc xác lập, thực hiện, thay đổi, chấm dứt quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản được xác định theo pháp luật của nước nơi có tài sản*”. Điều khoản này áp dụng quy phạm xung đột *lex rei sitae*, phù hợp với tài sản hữu hình truyền thống, nhưng không thể áp dụng đối với tài sản số, bởi đặc tính phi tập trung và phi lãnh thổ của chúng khiến việc xác định “nơi tọa lạc” (*situs*) trở nên bất khả thi. Trong trường hợp tòa án Việt Nam thụ lý vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài về quyền sở hữu tài sản số, quy định tại Điều 678 nêu trên không thể cung cấp một cơ sở pháp lý khả thi.

Một hướng tiếp cận thay thế có thể được viện dẫn là khoản 3 Điều Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2015, tức là “*luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất*”. Tuy nhiên, giải pháp này cũng gặp những giới hạn nhất định. Xét về nguyên tắc áp dụng quy phạm xung đột, quy định tại Điều 678 có tính chất chuyên biệt đối với tài sản, nên về thứ tự ưu tiên sẽ được áp dụng trước quy tắc chung tại Điều 664. Hơn nữa, ngay cả khi viện dẫn quy tắc “mối liên hệ gần bó nhất” thì việc xác định yếu tố kết nối này đối với tài sản tồn tại phi tập trung trên không gian mạng toàn cầu gần như không thể thực hiện được trên thực tế.

Từ các phân tích trên có thể thấy, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa hình thành được cơ sở lý luận và thực tiễn đầy đủ để điều chỉnh các quan hệ dân sự phát sinh từ tài sản số, cả ở cấp độ luật nội dung lẫn quy phạm xung đột, qua đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý riêng cho tài sản số nhằm bảo đảm tính thống nhất, khả thi và tương thích với xu hướng pháp luật quốc tế đương đại.

VI. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI TÀI SẢN SỐ TẠI VIỆT NAM- TỪ LUẬT NỘI DUNG ĐẾN QUY PHẠM XUNG ĐỘT

Để giải quyết khoảng trống pháp luật đã phân tích và hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế số, Việt Nam cần một lộ trình lập pháp có hệ thống, theo phương pháp tiếp cận hai bước, nghĩa là luật nội dung và tư pháp quốc tế phải được sửa đổi đồng thời. Bởi lẽ, nếu một quy phạm xung đột mới dẫn chiếu về luật Việt Nam, nhưng luật nội dung Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể để xác nhận địa vị pháp lý của tài sản số, thì thẩm phán vẫn rơi vào bế tắc khi giải quyết. Vì vậy, tác giả đề xuất một số giải pháp sau đây:

Một là, công nhận tài sản số là loại tài sản độc lập. Tác giả kiến nghị bổ sung “tài sản số” vào Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 như một loại tài sản thứ năm, tách biệt với vật và quyền tài sản. Đồng thời, để giải quyết triệt để định

nghĩa vòng quanh như đã phân tích, tác giả kiến nghị hoặc là sửa đổi Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, xóa bỏ việc tham chiếu ngược về Bộ luật dân sự năm 2015; hoặc là, các luật chuyên ngành, hoặc văn bản dưới luật phải đưa ra định nghĩa rõ ràng, cụ thể cho loại tài sản số. Định nghĩa này phải mang tính “chức năng”, thay thế khái niệm “chiếm hữu” vật lý truyền thống bằng khái niệm “kiểm soát” làm phương thức thực hiện quyền sở hữu, tạo tiền đề tham chiếu cho các quy tắc chọn luật.

Trên cơ sở đã phân tích, Việt Nam có thể tham khảo Điều 12 của Bộ luật Thương mại Thống nhất Hoa Kỳ (UCC) về “*Bản ghi điện tử có thể kiểm soát*” (CERs) là phương án tối ưu trong thời điểm này [34]. Quy định này tạo ra một khung pháp lý thống nhất cho các tài sản số. Chúng không chỉ tạo ra “phương thức tương đương” mà còn tạo ra một loại tài sản mới và các quy tắc xung đột pháp luật đi kèm. Về mặt luật nội dung, Việt Nam nên tham khảo cách tiếp cận chức năng của UCC, xây dựng một định nghĩa pháp lý cho tài sản số dựa trên khái niệm kiểm soát tại Mục 105 Điều 12 UCC, thay vì khái niệm chiếm hữu vật lý truyền thống. Đặc biệt, việc tiếp thu quy tắc “take-free” (nhận tài sản sạch) tại điểm e Mục 104 Điều 12: “*Một bên mua đủ điều kiện sẽ có được các quyền của mình đối với bản ghi điện tử có quyền kiểm soát mà không phụ thuộc vào bất kỳ khiếu nại nào về quyền tài sản đối với bản ghi điện tử đó*” là then chốt. Quy tắc này, về bản chất là áp dụng học thuyết “người chiếm hữu ngay tình” cho tài sản số, sẽ giải quyết được vấn đề “*nemo dat quod non habet*” (không ai có thể cho cái mình không có).

Hai là, xây dựng quy phạm xung đột đặc thù cho tài sản số, lấy UNIDROIT là trọng tâm. Sau khi đã có luật nội dung, Việt Nam cần bổ sung một điều khoản mới vào “Phần thứ năm của Bộ luật Dân sự năm 2015” để quy định về luật áp dụng cho quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản số. Trong các trường phái lập pháp đã phân tích, mô hình chuỗi quy tắc trong Bộ Nguyên tắc về Tài sản số của UNIDROIT là lựa chọn phù hợp nhất để Việt Nam tiếp thu, không chỉ vì tính trung lập quốc tế mà còn nhờ sự tương đồng về tư duy pháp lý với hệ thống Civil Law, bởi vì: (i) Đây là một bộ quy tắc có cấu trúc, rõ ràng, có thứ bậc, mang lại sự chắc chắn về mặt pháp luật, phù hợp với truyền thống pháp luật dân sự của Việt Nam. Điều này vượt trội hơn so với cách tiếp cận linh hoạt tư pháp của Anh hay sự áp đặt của Mỹ; (ii) Việc áp dụng nguyên tắc của UNIDROIT giúp Việt Nam hài hòa hóa pháp luật với tiêu chuẩn toàn cầu, thay vì chỉ đi theo một hệ thống quốc gia cụ thể; (iii) Quy tắc này phản ánh chính xác thực tiễn: việc ưu tiên “luật của bên trung gian” (bước 2 trong thang chuỗi quy tắc) [35] phản ánh đúng thực tế phần lớn giao dịch diễn ra qua các sàn lưu ký, giúp giải quyết hiệu quả đa số các vụ việc.

Như vậy, quy phạm xung đột mới nên ưu tiên tuyệt đối cho sự tự do ý chí của các bên đặc biệt là việc công nhận hiệu lực của điều khoản chọn luật được “nhúng” trực tiếp vào siêu dữ liệu của tài sản hoặc hệ thống. Vì vậy, tác giả đề xuất bổ sung Điều 678a vào sau Điều 678 Bộ luật Dân sự 2015 với nội dung cụ thể như sau:

“Điều 678a. Pháp luật áp dụng đối với quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản số

1. Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản số được xác định theo pháp luật mà các bên lựa chọn. Việc lựa chọn pháp luật này phải được thể hiện rõ ràng trong tài sản số, hệ thống vận hành tài sản số hoặc các dữ liệu gắn liền với tài sản số đó.

2. Trường hợp không xác định được pháp luật theo khoản 1 Điều này, pháp luật áp dụng được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Trường hợp tài sản số được quản lý, lưu giữ thông qua một bên trung gian, pháp luật áp dụng là pháp luật của nước nơi bên trung gian có trụ sở hoặc nơi bên trung gian duy trì hoạt động quản lý tài sản đó;

b) Trường hợp không có bên trung gian và có thể xác định được đơn vị phát hành, pháp luật áp dụng là pháp luật của nước nơi đơn vị phát hành tài sản số có trụ sở chính.

3. Trường hợp không xác định được pháp luật theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, pháp luật áp dụng là pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với việc xác lập, chuyển giao quyền đối với tài sản số đó.

4. Việc áp dụng pháp luật nước ngoài theo quy định tại Điều này không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

Ba là, giải quyết vấn đề thẩm quyền của Tòa án quốc gia. Một thách thức lớn trong tư pháp quốc tế là xác định thẩm quyền xét xử đối với tài sản vô hình. Theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Điều 469, 470), thẩm quyền của Tòa án Việt Nam thường gắn với “nơi có tài sản” hoặc “nơi cư trú của bị đơn”. Khi Điều 678a được thông qua, nó sẽ gián tiếp giải quyết vấn đề thẩm quyền bằng cách xác định lại khái niệm “nơi có tài sản”. Cụ thể: (i) Nếu tài sản số được lưu ký tại một sàn giao dịch có trụ sở hoặc chi nhánh tại Việt Nam (theo Khoản 2 Điều 678a), thì tài sản đó được coi là “có tại Việt Nam” về mặt pháp lý. Khi đó, Tòa án Việt Nam đương nhiên có thẩm quyền giải quyết theo điểm c khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; (ii) Trong trường hợp tài sản số thuần túy không có trung gian, thẩm quyền sẽ được xác định theo “nơi cư trú của bị đơn” (người kiểm soát khóa riêng). Nếu không xác định được bị đơn thực tế (do tính ẩn danh), Tòa án cần áp dụng cơ chế tổng đạt đặc biệt qua phương tiện điện tử (email, ví điện tử) và xét xử vắng mặt, hoặc chuyển sang cơ chế Trọng tài nếu có thỏa thuận.

Bốn là, tăng cường vai trò của trọng tài. Do việc sửa đổi luật quốc gia là một quá trình phức tạp và mất nhiều thời gian, một giải pháp song song dựa trên nhu cầu thực tiễn là cần khuyến khích, công nhận rõ ràng thẩm quyền của trọng tài thương mại trong việc giải quyết các tranh chấp tài sản số. Cần đảm bảo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài quốc tế liên quan đến tài sản số theo Công ước New York 1958 [36]. Đồng thời, cần khuyến khích các Trung tâm trọng tài thương mại xây dựng các bộ quy tắc tố tụng chuyên biệt, tương tự như “Quy tắc Giải quyết tranh chấp kỹ thuật số” và đào tạo đội ngũ trọng tài viên có chuyên môn sâu về cả pháp luật và công nghệ blockchain.

VII. KẾT LUẬN

Sự xuất hiện của tài sản số đã làm thay đổi cách tiếp cận nền tảng của các quy tắc xung đột pháp luật truyền thống, đặc biệt là nguyên tắc *lex rei sitae* - vốn dựa trên đặc tính vật lý và lãnh thổ của tài sản. Trong không gian phi biên giới của blockchain, việc “định vị” tài sản khó thực hiện được, buộc tư pháp quốc tế phải tái cấu trúc lại hệ thống quy phạm xung đột theo hướng phi lãnh thổ và chức năng.

Các nỗ lực lập pháp quốc tế - tiêu biểu là mô hình chuỗi quy tắc của UNIDROIT, “cách tiếp cận chức năng” của UCC Hoa Kỳ và “linh hoạt tư pháp” của Ủy ban Luật pháp Anh - đã mở ra những hướng đi khả thi để xác định luật áp dụng cho quyền sở hữu tài sản số xuyên biên giới. Trong đó, mô hình của UNIDROIT nổi bật ở tính hệ thống, khả năng dự đoán và phù hợp với truyền thống pháp luật dân sự, nên có thể được xem là lựa chọn ưu tiên cho Việt Nam.

Đối với Việt Nam, thách thức lớn nhất hiện nay nằm ở khoảng trống kép giữa luật nội dung và quy phạm xung đột. Khi Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa công nhận “tài sản số” như một loại tài sản độc lập, quy phạm *lex rei sitae* tại Điều 678 trở nên vô hiệu trên thực tế. Vì vậy, cần một lộ trình lập pháp hai bước: (i) bổ sung khái niệm “tài sản số” và “kiểm soát” vào Bộ luật Dân sự như một cơ sở nội dung; và (ii) ban hành quy phạm xung đột đặc thù theo mô hình chuỗi quy tắc của UNIDROIT.

Song song đó, cần khuyến khích cơ chế trọng tài thương mại quốc tế như một giải pháp linh hoạt và hiệu quả trong giai đoạn chuyển tiếp, nhằm đảm bảo tính thi hành toàn cầu và giảm tải cho tòa án quốc gia.

Tóm lại, việc xây dựng một quy tắc xung đột pháp luật hiện đại, dựa trên nguyên tắc kiểm soát và mô hình chuỗi quy tắc, không chỉ là yêu cầu kỹ thuật lập pháp mà còn là bước đi chiến lược giúp Việt Nam hội nhập sâu vào trật tự pháp lý toàn cầu của nền kinh tế số.

VIII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Law Commission. *Digital assets*, <https://lawcom.gov.uk/project/digital-assets/>, Accessed date: Oct 30, 2025.
- [2] Lehmann, Matthias (2024). Digital assets in the conflict of laws: a comparative search for the “ideal rule”, *Singapore Journal of Legal Studies*, pp. 197-222.
- [3] Pop, M. (2024). The concept of *lex rei sitae* in international law, *Proceedings of International Conference on Academic Studies in Technology and Education 2024*, pp. 167-177.
- [4] Pop, M. (2024), *ttđđ*, p. 174.
- [5] UTXO là viết tắt của Unspent Transaction Output, có nghĩa là “kết quả đầu ra giao dịch chưa được chi tiêu”, được hiểu như tiền thừa (tiền thối) lại trong ví.
- [6] Lehmann, Matthias (2024). Digital assets in the conflict of laws: a comparative search for the “ideal rule”, *Singapore Journal of Legal Studies*, pp. 199-200.
- [7] Harneys (2022). Jurisdictional issues in crypto currency disputes (Part 1): service out of the jurisdiction, <https://www.harneys.com/our-blogs/offshore-litigation/jurisdictional-issues-in-crypto-currency-disputes-part-1-service-out-of-the-jurisdiction/>, Accessed date: Oct 31, 2025.
- [8] Hohfeld, W. N. (1913). Some Fundamental Legal Conceptions as Applied in Judicial Reasoning, *Yale Law Journal*, Vol. 23, No. 1, pp. 16-59.
- [9] Brum, K. D. (2023). NFT Art Heists: Analyzing NFTs Under U.S. Law and International Conventions on Art Theft, *Notre Dame Journal on Emerging Technologies*, Vol. 4, pp. 124-157.
- [10] The Fashion Law (2023). Hermès v. Rothschild: A Timeline of a Case Over MetaBirkins NFTs, <https://www.thefashionlaw.com/hermes-v-rothschild-a-timeline-of-developments-in-a-case-over-trademarks-nfts/>, Accessed date: Oct 31, 2025.
- [11] Skadden, Arps, Slate, Meagher & Flom LLP (2023). Jury Finds That 'MetaBirkin' NFTs Infringed Hermès' Trademark Rights, <https://www.skadden.com/insights/publications/2023/02/jury-finds-that-metabirkin-nfts-infringed-hermes-trademark-rights>, Accessed date: Oct 31, 2025.
- [12] Moringiello, Juliet. M., Odinet, C. K. (2022). Toward Decentralized Commercial Law For Digital Assets, *Northwestern Journal of Technology and Intellectual Property*, Vol. 20, No. 2, pp. 249-278.

- [13] Law Commission (2023). Digital Assets: Final Report, Law Com No 412, https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/ukgwa/20250109172211mp_/https://s3-eu-west-2.amazonaws.com/cloud-platform-e218f50a4812967ba1215eaecede923f/uploads/sites/30/2023/06/Final-digital-assets-report-FOR-WEBSITE-2.pdf, Accessed date: Nov 03, 2025.
- [14] Law Commission of England and Wales (2025). Digital assets and electronic trade documents in private international law: Consultation Paper 273, <https://cloud-platform-e218f50a4812967ba1215eaecede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/54/2025/06/Digital-assets-conflicts-CP-2025.pdf.pdf>, Accessed date: Nov 07, 2025.
- [15] UNIDROIT (2023). *UNIDROIT Principles on Digital Assets and Private Law*.
- [16] Reidenberg, J. R. (1998). Lex informatica: The formulation of information policy rules through technology, *Texas Law Review*, Vol. 76, pp. 553-593.
- [17] Lessig, L. (1999). *Code and Other Laws of Cyberspace*, Basic Books.
- [18] Siegel, D. (2016). Understanding The DAO Attack, <https://www.coindesk.com/learn/understanding-the-dao-attack>, Accessed date: Nov 03, 2025.
- [19] Hague Conference on Private International Law (2006). Convention on the Law Applicable to Certain Rights in Respect of Securities held with an Intermediary, <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/full-text/?cid=72>, Accessed date: Nov 03, 2025; Hague Conference on Private International Law (2015). Principles on Choice of Law in International Commercial Contracts, <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/full-text/?cid=135>, Accessed date: Nov 03, 2025.
- [20] Law Commission of England and Wales (2025). Digital assets and electronic trade documents in private international law: Consultation Paper 273, <https://cloud-platform-e218f50a4812967ba1215eaecede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/54/2025/06/Digital-assets-conflicts-CP-2025.pdf.pdf>, Accessed date: Nov 07, 2025.
- [21] Law Commission of England and Wales (2025), tldd.
- [22] UNIDROIT (2023). *UNIDROIT Principles on Digital Assets and Private Law*.
- [23] Lehmann, Matthias (2024), tldd.
- [24] UNIDROIT (2023), tldd.
- [25] Law Commission of England and Wales (2025), tldd, p.157.
- [26] Law Commission of England and Wales (2025), tldd, p. 181.
- [27] Uniform Law Commission (2022). *Uniform Commercial Code*, Article 12 - Controllable Electronic Records.
- [28] Uniform Law Commission (2022). *Uniform Commercial Code*, Article 12-107.
- [29] Freeths (2025). Arbitrating Digital Assets Disputes, <https://www.freeths.co.uk/insights-events/legal-articles/2025/arbitrating-digital-assets-disputes/>, Accessed date: Nov 03, 2025.
- [30] Rogers, James, Ibrahimov, Ayaz (2022). Cryptocurrencies and arbitration - A match made in heaven?, *Norton Rose Fulbright*, pp. 25-26.
- [31] Freeths (2025). Arbitrating Digital Assets Disputes, <https://www.freeths.co.uk/insights-events/legal-articles/2025/arbitrating-digital-assets-disputes/>, Accessed date: Nov 03, 2025.
- [32] UK Jurisdiction Taskforce (2021). *The Digital Dispute Resolution Rules 2021 Issued together with the Document of Covington & Burling LLP*.
- [33] UK Jurisdiction Taskforce (2021). *Digital Dispute Resolution Rules 2021*, Rule 11.
- [34] Uniform Law Commission (2022). *Uniform Commercial Code*, Article 12 - Controllable Electronic Records.
- [35] UNIDROIT (2023). *UNIDROIT Principles on Digital Assets and Private Law*, Principle 5.
- [36] United Nations (1958). *Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards* (New York Convention).

RESTRUCTURING CONFLICT RULES ON DIGITAL ASSET OWNERSHIP IN PRIVATE INTERNATIONAL LAW

Huỳnh Nữ Khuê Các, Lê Thị Toàn

ABSTRACT—The emergence of digital assets, characterized by their intangible and borderless nature, has challenged the foundations of the “Lex rei sitae” rule in private international law. This article analyzes the limitations of this rule and compares international legal models to determine the applicable law regarding proprietary rights over cross-border digital assets. Employing analytical and comparative methods, this study focuses on three approaches: the UNIDROIT model, the U.S. Uniform Commercial Code (UCC), and the proposals of the English Law Commission. The findings indicate a necessity to replace the “location” (situs) factor with “control” to accurately reflect the substantive connection between the subject and the digital asset. Consequently, the author proposes a two-step roadmap for Vietnam: amending the Civil Code to officially recognize digital assets and enacting specific conflict rules based on the UNIDROIT model. The study concludes that restructuring conflict of laws rules is a prerequisite for Vietnam’s legal integration in the era of the digital economy.

Keywords—Digital assets, conflict of laws, private international law, lex rei sitae, proprietary rights.



Huỳnh Nữ Khuê Các là thạc sĩ, nghiên cứu sinh ngành Luật. Hiện cô đang là giảng viên của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm: Công nghệ số, Tài sản số, Giao dịch bảo đảm, Sở hữu trí tuệ. Cô có các công trình đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nghề luật, Tạp chí Công thương và tham gia viết giáo trình về giao dịch bảo đảm.



Lê Thị Toàn là thạc sĩ Luật. Hiện cô là Phó trưởng Khoa Luật của trường Đại học Lao động - Xã hội (CS2). Lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy: Luật Thương mại, Luật ngân hàng, Luật cạnh tranh. Công trình nghiên cứu của Cô chủ yếu là các đề tài cấp tỉnh, cấp trường và các tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng.